

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25/01/2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt;**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Công Minh;

Ông Lê Hoài Phong;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phúc** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 323/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Tô Văn T**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã ĐH, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị NH**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã LH, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản khai theo hồ sơ vụ kiện, nguyên đơn Tô Văn T trình bày: Anh T và chị Nguyễn Thị NH là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2010. Vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng đầu

năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp. Anh chị đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, đến nay thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng và đã sống ly thân. Anh T nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị TH.

Về con chung: Anh T khai, anh T và chị TH có hai con chung tên: Tô TTg, sinh ngày 08/5/2010 và Tô TTh, sinh ngày 01/10/2016. Hiện tại, cháu Trọng đang sinh sống với anh T, và cháu Thịnh đang sinh sống với chị TH. Khi ly hôn, anh T đề nghị giữ nguyên hiện trạng nuôi con chung và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, và nợ chung: anh T trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Thị NH không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: anh Tô Văn T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị NH. Chị TH có địa chỉ tại huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định: quan hệ tranh chấp “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Nguyên đơn Tô Văn T có đơn yêu cầu vắng mặt, không tham dự phiên tòa đề ngày 14/02/2022; đối với bị đơn Nguyễn Thị NH, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định tại Điều 173, Điều 174 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nhưng chị TH không tham gia phiên tòa; Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị TH.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét, anh T và chị TH tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/3/2010 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 – Quyền số 01/2010) nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn chung:

Anh T đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên lời khai cũng như yêu cầu của mình.

Anh T trình bày: Từ sau năm 2010 đến nay cuộc sống chung của anh T và chị TH có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị không giải quyết được nên mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng hơn. Chị TH không có lời khai và đều vắng mặt, không tham gia phiên toà, cũng như vắng mặt tại các phiên hoà giải, điều này chứng tỏ chị TH cũng không có thiện chí hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng với anh T. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị TH.

[2.3] Về con chung: anh T và chị TH có hai con chung tên Tô TTg, sinh ngày 08/5/2010 do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; và Tô TTh, sinh ngày 01/10/2016 đang sống chung với chị TH. Anh T yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng nuôi con như trên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc trông nom, nuôi dưỡng hai con chung giữa anh T và chị TH đã ổn định từ khi ly thân, nên yêu cầu của anh T là phù hợp, được chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: anh T khai không có, không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức TH, miễn, giảm, TH, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003507 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và

gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức TH, miễn, giảm, TH, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Văn T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị NH.

2/ Về con chung: Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tô TTg, sinh ngày 08/5/2010; Chị TH trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tô TTh, sinh ngày 01/10/2016; Tạm thời, anh T và chị TH không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi của con chung, anh T và chị TH có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Anh Tô Văn T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003507 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; nên anh T đã nộp đủ án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Anh Tô Văn T và chị Nguyễn Thị NH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cấp, tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- UBND xã ĐH, H. Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt